

Bản án số: 205/2018/DS – PT
Ngày: 19/7/2018
V/v “Yêu cầu chia di sản thừa
kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2018/TLPT- DS ngày 04 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2018/DS – ST ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 143/2018/QĐPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963 (có mặt);

ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B: Luật sư Lê Văn Ly- Văn phòng luật sư Chiến Ly- Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt);

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P (Nguyễn Thị P), sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P (Nguyễn Thị P): Luật sư Nguyễn Hữu Dũng – Văn phòng Luật sư Nguyễn Hữu Dũng – Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện H;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn Đ – phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện H (Theo giấy ủy quyền số 05/QĐ-UBND ngày 15/3/2018);

2. Bà NLQ2, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 2, xã X1, huyện H1, tỉnh Đồng Tháp;

3. Bà NLQ3, sinh năm 1969;

4. Bà NLQ4, sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà NLQ3 và NLQ4: ông Nguyễn Văn B (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/12/2015);

5. Bà NLQ5, sinh năm 1969;

6. Ông NLQ6, sinh năm 1965;

7. Ông NLQ7, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre;

- *Người kháng cáo:* bị đơn bà Nguyễn Thị P;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B trình bày:

Cụ ông Nguyễn Văn P1 chết ngày 20/12/2012, cụ bà Trần Thị Đ1 chết ngày 29/7/2013 là cha mẹ của các ông. Hai cụ có tất cả 05 người con gồm: Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Kim P (Nguyễn Thị P), Nguyễn Văn B, NLQ2 và Nguyễn Văn Hân. Ông Hân chết năm 2002 không có con chung, vợ Nguyễn Thị Liên chung sống năm 2011, không có đăng ký kết hôn. Hai cụ chung sống có tạo lập được khối tài sản chung gồm: thửa 1681 diện tích 300m², thửa 1682 diện tích 10.412m² và thửa 1067 diện tích 1.067m², tờ bản đồ số 02. Tổng diện tích đất là 18.747m² do cha các ông là cụ Nguyễn Văn P1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 10/3/1994, 01 ngôi nhà, 01 tủ thờ bằng cây gỗ, 01 tủ đứng bằng cây thau lau 01 bên làm bằng kiếng, 03 cái bàn tròn bằng cây thau lau (01 bàn tròn mặt bằng đá), 01 đi văng nhỏ, 02 tủ mangge bằng cây tạp, 01 bàn dài bằng cây me tây, 01 bàn dài bằng inox, 01 giường tròng bằng cây thau lau, 02 giường đôi bằng cây tạp, 01 tủ kiếng đựng tivi chén bằng ván ép, 01 tivi hiệu pannaes, 01

máy bơm nước ruộng, 10 ghế đôn bằng cây dầu, cây thau lau, 15 cây mai vàng, 02 cây mù u (01 cây trên 10 năm tuổi, 01 cây trên 20 năm tuổi), 02 cây trà bông vàng, 07 cây trà bông trắng 30 năm tuổi, 01 cây bạch đằng trên 10 năm tuổi, 01 cây long nhãn, 02 ống hồ xi măng và nhà tắm cha mẹ làm chung với ngôi nhà chính. Toàn bộ tài sản cha mẹ các ông chết không để lại di chúc. Di chúc của cha mẹ ông mà phía bị đơn cung cấp là hoàn toàn không hợp pháp, không đúng quy định của pháp luật. Hiện nay toàn bộ tài sản của cha mẹ ông do bà Nguyễn Thị Kim P đang quản lý sử dụng và ông Nguyễn Văn B sử dụng 01 phần diện tích đất ruộng và đất vườn cất nhà cùng các công trình phụ, trồng cây để sinh sống khi cha mẹ còn sống đến nay. Nay các ông khởi kiện yêu cầu hủy hai di chúc của cụ Nguyễn Văn P1 và Trần Thị Đ1 lập ngày 14/11/2012 do không hợp pháp. Yêu cầu chia di sản thừa kế là đất của cụ P1 và cụ Đ1 để lại bằng hiện vật theo pháp luật cho 04 người con là Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Kim P, NLQ2. Riêng nhà, tài sản trong nhà và cây trồng thì ai nhận hiện vật hoàn trả giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế còn lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm các ông vẫn giữ yêu cầu chia di sản thừa kế là đất bằng hiện vật theo pháp luật cho 04 người con là Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Kim P, NLQ2, yêu cầu hoàn trả lại các chi phí tố tụng. Riêng nhà, tài sản trong nhà và cây trồng không yêu cầu phân chia di sản thừa kế, đồng ý để lại cho bà P sở hữu, sử dụng.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về tên cha mẹ, ngày chết, hàng thừa kế và tài sản nhà, đất, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Tuy nhiên khi cha mẹ bà là cụ P1 và cụ Đ1 chết có để lại 02 giấy di chúc, nhờ người làm chứng là ông Trần Văn Thi viết tay hộ, đề ngày 14/11/2012, di chúc có chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã X theo quy định của pháp luật vào ngày 24/11/2012, thời điểm lập di chúc cha mẹ bà vẫn còn minh mẫn. Trước khi chết cha mẹ bà đưa bà giữ hai tờ di chúc này, bà không có công bố di chúc cho anh chị em trong gia đình biết. Di chúc của cha mẹ để lại tài sản đất ruộng và đất vườn cho 03 chị em là Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Kim P và NLQ2. Riêng nhà và tài sản trong nhà thì để lại toàn bộ cho bà để thờ cúng. Ông Nguyễn Văn H không được chia theo di chúc vì lúc cha mẹ còn sống đã cho phần ông H. Tài sản cha mẹ chết để lại hiện bà đang quản lý, sử dụng và ông B quản lý, sử dụng một phần đất vườn cất nhà để ở và đất ruộng từ lúc cha mẹ còn sống đến nay. Phần diện tích đất ruộng bà đang quản lý trước đó do ông Bùi Tiến Dũng thuê để trồng lúa, sau đó ông Dũng không tiếp tục thuê nên đã trả lại đất cho bà. Hiện bà đang cho vợ chồng ông NLQ6, bà NLQ5 và vợ chồng ông NLQ6, bà NLQ5 cho ông NLQ7 trồng cỏ nuôi bò, dê từ tháng 02/2017 âm lịch đến nay. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy di chúc của cụ Nguyễn Văn P1 và Trần Thị Đ1 lập ngày 14/11/2012 do không hợp pháp và yêu cầu chia di sản thừa kế bằng hiện vật theo pháp luật cho 04 người con là Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Kim P và NLQ2 thì bà không đồng ý. Bà yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ bà theo di chúc lập ngày

24/11/2012 vì 02 di chúc được lập hợp pháp. Đối với phần đất đang cho thuê bà sẽ tự thương lượng với người thuê đất.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ2 trình bày:

Bà là con của cụ Nguyễn Văn P1, Trần Thị Đ1. Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian cha mẹ mất và tên các anh chị em. Cha mẹ bà chết có để lại di chúc đất vườn và đất ruộng chia cho 03 người con là ông Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Kim P và bà. Nhà và đồ sinh hoạt trong nhà thì chia cho bà P để thờ cúng. Di chúc cha mẹ chia cho bà được nhận 2.700m² đất ruộng và 2.500m² đất vườn dừa. Bà yêu cầu chia theo di chúc và bà được nhận di sản phần bà. Trường hợp di chúc không hợp pháp bà yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ5 trình bày:

Vợ chồng bà có thuê phần đất ruộng của bà Nguyễn Thị Kim P để trồng cỏ nuôi bò vào ngày 21/02/2017 âm lịch cho đến nay, thời hạn thuê 03 năm, diện tích đất thuê là 06 công, trả tiền thuê hằng năm với số tiền 9.000.000 đồng. Khi thuê đất có làm hợp đồng thuê viết tay giữa bà với bà P, hợp đồng lập thành 01 bản. Việc vợ chồng bà thuê đất của bà P thì ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B đều biết. Thời điểm bà thuê đất ruộng của bà P vợ chồng bà đều biết giữa bà P với ông H, ông B đang tranh chấp thừa kế nhưng vợ chồng bà vẫn thuê đất. Vợ chồng bà có cho ông NLQ7 trồng cỏ trên diện tích 01 công đất để trông giữ đất thuê cho vợ chồng bà, không có lấy tiền thuê. Trường hợp Toà án giải quyết chia thừa kế mà phần đất ruộng vợ chồng bà đang thuê không chia hết cho bà P 06 công mà chia cho nhiều người thì vợ chồng bà đồng ý trả lại. Tiền thuê đất giữa vợ chồng bà với bà P sẽ thỏa thuận giải quyết riêng. Riêng chi phí trồng cỏ và cỏ trông hiện có trên đất bà không yêu cầu Toà án giải quyết. Bà yêu cầu giải quyết vắng mặt bà.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ7 trình bày:

Ông đang trồng cỏ nuôi bò trên diện tích 01 công đất đang tranh chấp, trồng vào tháng 4/2017 do bà NLQ5 cho ông trồng để giữ đất thuê, không lấy tiền thuê đất. Trường hợp Toà án giải quyết vụ án chia thừa kế mà phần đất ruộng ông đang trồng cỏ ông đồng ý trả lại đất cho người được Toà án chia đất. Chi phí trồng cỏ và cỏ trông hiện có trên đất tranh chấp ông không yêu cầu giải quyết. Ông yêu cầu giải quyết vắng mặt ông.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện H là ông Lê Văn Đ trình bày:

Diện tích đất cấp cho ông Nguyễn Văn P1 vào ngày 10/3/1994 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số liệu cũ) thửa 1681 diện tích 300m², thửa 1682 diện tích 10.412m² tờ bản đồ số 02 và diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế ngày 15/4/2014 là 11,216.1m², có sự chênh lệch là do sai số trong quá trình đo

đặc của cơ quan nhà nước. Diện tích đất đo đạc thực tế ngày 15/4/2014 tăng lên 504.1m², phần diện tích tăng lên này vẫn thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn P1 và nằm trong diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn P1 vào ngày 10/3/1994, căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp cho cá nhân ông Nguyễn Văn P1. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cá nhân ông Nguyễn Văn P1 vào ngày 10/3/1994 có thể hiện thửa 1681 diện tích 300m², tờ bản đồ số 02, mục đích sử dụng là đất thổ cư. Tuy nhiên theo kết quả đo đạc thực tế ngày 15/4/2014 trên hoa đồ không thể hiện đất thổ cư nằm ở vị trí nào là do trước đây khi đo đạc bằng không ảnh cơ quan nhà nước chỉ ghi diện tích đất thổ cư nằm ở vị trí nào, vị trí đất thổ cư này sau này chủ sử dụng đất được quyền lựa chọn. Hiện nay diện tích đất thổ cư 300m² này không có biến động. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đưa vụ án ra xét xử, tại bản án số: 25/2018/DSST ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tuyên:

Căn cứ Điều 633, 645, 649, 650, 652, 653, 654, 655, 656, 658, 674, 675, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 676, khoản 2 Điều 685 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468, 623, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 99 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 68, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 254, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực, pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu huỷ 02 giấy di chúc của cụ Nguyễn Văn P1 và Trần Thị Đ1 lập ngày 14/11/2012.

Huỷ 02 giấy di chúc của cụ Nguyễn Văn P1 và Trần Thị Đ1 lập ngày 14/11/2012 do không hợp pháp, không phát sinh hiệu lực pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B đối với bà Nguyễn Thị Kim P (Nguyễn Thị P) về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

Phân chia di sản thừa kế của hai cụ Nguyễn Văn P1 và Trần Thị Đ1 thuộc các thửa đất số 1681, 1682 tờ bản đồ số 02 (Theo số liệu đo đạc mới là thửa 259 và 280 tờ bản đồ số 28, đất vườn dừa) và thửa đất số 1067, tờ bản đồ số 02 (thửa mới là thửa 7, 298, 299 tờ bản đồ số 28, đất ruộng), tọa lạc tại ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre cho các ông bà Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Kim P, NLQ2 như sau:

Ông Nguyễn Văn H được chia và nhận di sản thừa kế diện tích đất là:

+ 2804m² đất vườn dừa thuộc một phần thửa số 1681, 1682 tờ bản đồ số 02 (Theo số liệu đo đạc mới là thửa 259 tờ bản đồ số 28) thửa 259-1 tọa lạc tại ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre.

+ 1956.3m² (đất ruộng) thuộc một phần thửa 1067, tờ bản đồ số 02 (Theo số liệu đo đạc mới chính quy là thửa đất số 299, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn B được chia và nhận di sản thừa kế diện tích đất là:

+ 2804.1 m² đất vườn dừa thuộc một phần thửa số 1681, 1682 tờ bản đồ số 02 (Theo số liệu đo đạc mới là thửa 259 tờ bản đồ số 28) thửa 259-2 tọa lạc tại ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre, trong đó có 150m² đất thổ cư. Phần đất ông B được chia và nhận nằm ở vị trí gắn liền với ngôi nhà có kết cấu bằng cột dầu gió, lợp tole phiro xi măng, 02 chày nhà lợp lá dừa nước, lợp tole thiếc, vách dừa, mặt trước và mặt sau nhà xây tường chưa tô, trước nhà trần xi măng xây dựng năm 2001. Nhà cũ có kết cấu tole thiếc, cây tạp lợp lá dừa nước xé, xây dựng năm 2002. Chuồng gà lá dừa nước, nền đất xây dựng năm 2001, 02 ống hồ nước, 01 hầm xí, 08 cái mái chứa nước bằng sành, 02 cây mai vàng trồng năm 2002 thuộc quyền sở hữu riêng của vợ chồng ông B và bà NLQ3 hiện đang quản lý, sử dụng nhà, tài sản, cây trồng có trên đất.

+ 1956.4m² (đất ruộng) thuộc một phần thửa 1067, tờ bản đồ số 02 (Theo số liệu đo đạc mới chính quy là thửa đất số 7, 299, tờ bản đồ số 28, được biểu thị ở các thửa 7 diện tích 1902.7m², thửa 299-1 diện tích 9.3m², tọa lạc tại ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Kim P được chia và nhận di sản thừa kế diện tích đất là:

+ 2804.1m² đất vườn dừa thuộc một phần thửa số 1681, 1682 tờ bản đồ số 02 (Theo số liệu đo đạc mới là thửa 259, 280 tờ bản đồ số 28) thửa 280 diện tích 1998.1m², thửa 259-3 diện tích 806m², trong đó có 150m² đất thổ cư, tọa lạc tại ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre.

+ 1956.3m² (đất ruộng) thuộc một phần thửa 1067, tờ bản đồ số 02 (Theo số liệu đo đạc mới chính quy là thửa đất số 298, 299, tờ bản đồ số 28, được biểu thị ở thửa 299b diện tích 95.1m², thửa 298a diện tích 1005m² tọa lạc tại ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Bà NLQ2 được chia và nhận di sản thừa kế diện tích đất là:

+ 2804m² đất vườn dừa thuộc một phần thửa số 1681, 1682 tờ bản đồ số 02 (Theo số liệu đo đạc mới là thửa 259 tờ bản đồ số 28) được biểu thị ở thửa 259 tọa lạc tại ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre.

+ 1956.3m² (đất ruộng) thuộc một phần thửa 1067, tờ bản đồ số 02 (Theo số liệu đo đạc mới chính quy là thửa đất số 299, tờ bản đồ số 28,) được biểu thị ở thửa 298 tọa lạc tại ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Phần diện tích đất thuộc thửa 1681, 1682 tờ bản đồ số 02 (theo số liệu đo đạc chính quy là thửa 259, 280 tờ bản đồ số 28) mà các ông bà Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, NLQ2, Nguyễn Thị Kim P được chia và nhận trên đất có cây dừa của cụ P1 và cụ Đ1 để lại thì các ông bà được hưởng, sở hữu những cây trồng đó, không hoàn giá trị cho nhau.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, bà NLQ2 không yêu cầu chia di sản thừa kế đối với di sản là nhà, các đồ dùng sinh hoạt, cây trồng có trên đất vườn dừa của cụ Nguyễn Văn P1 và cụ Trần Thị Đ1. Đồng ý để lại cho bà Nguyễn Thị Kim P được toàn quyền sở hữu và sử dụng để thờ cúng cha mẹ.

Bà Nguyễn Thị Kim P được sở hữu, sử dụng di sản là nhà của cụ P1, cụ Đ1, các đồ dùng sinh hoạt, cây trồng có trên thửa đất số 1681, 1682 tờ bản đồ số 02 (theo số liệu đo đạc mới chính quy là thửa đất số 259, 280 tờ bản đồ số 28) tọa lạc tại ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre gồm:

+01 ngôi nhà của cụ Nguyễn Văn P1, cụ Trần Thị Đ1 (ký hiệu t) có kết cấu như sau:

Nhà chính, cột dừa, dầu gió, lợp tole phi ro xi măng, nền đất, vách bằng tole và lá dừa nước xé xây dựng năm 1994. Nhà phụ đòn tay và cột bằng cây dầu gió và cây tre, vách tole thiếc, nền đất xây dựng năm 2004;

01 nhà củi bằng gỗ tạp, nền đất đã mục xya6 dựng năm 2005;

01 tủ thờ bằng cây gỗ, 01 tủ đứng bằng cây thau lau 01 bên làm bằng kiếng, 03 cái bàn tròn làm bằng cây thau lau (có 01 bàn tròn bằng mặt đá), 01 đi văng nhỏ, 02 tủ mangge bằng cây tạp, 01 bàn dài bằng cây me tây, 01 bàn đĩa bằng inox, 01 giường tròn bằng cây thau lau, 02 giường đôi bằng cây tạp, 01 tủ kiểu đựng tivi, chén bằng ván ép; 01 tivi hiệu pananes bị hư, 01 máy bơm nước ruộng, 10 cái ghế đôn bằng cây dầu, cây thau lau, 07 cây mai vàng, 02 cây mù u (01 cây trên 10 năm tuổi, 01 cây trên 20 năm tuổi), 01 cây tràm bông vàng; 06 cây tràm bông trắng 30 năm tuổi, 01 cây bạch đằng trên 10 năm tuổi, 01 cây long nhãn, 02 ống hồ xi măng chứa nước và nhà vệ sinh làm chung với nhà chính.

Thực tế phần đất, tài sản và cây trồng trên đất mà ông B, bà P được chia, nhận thừa kế và được sở hữu hiện do ông B, bà P đang quản lý, sử dụng thì tiếp tục quản lý, sử dụng và sở hữu. Riêng phần đất ông H, bà NLQ2 được chia và nhận thừa kế thì hiện nay bà P, ông NLQ6, bà NLQ5, ông NLQ7 đang quản lý, sử dụng thì các ông bà phải có nghĩa vụ giao trả lại đất cho ông H, bà NLQ2 phần được chia và nhận.

Các ông bà Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, NLQ2 và Nguyễn Thị Kim P có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với các phần đất được chia và nhận thừa kế.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, NLQ2 không yêu cầu giải quyết tài sản là nhà củi có kết cấu cột gỗ tạp, vách lá, nền đất, mái tole xây dựng năm 2015 vì đây là tài sản riêng của bà P.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Kim P, NLQ5, NLQ6, NLQ7 không yêu cầu chi phí trồng cỏ trên đất cũng như tiền thuê đất.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, ám phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/4/2018 bà Nguyễn Thị P có đơn kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị P trình bày: bà kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2018/DS-ST ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B, công nhận hai tờ di chúc của cụ Nguyễn Văn P1 và Trần Thị Đ1 lập ngày 14/11/2012 và chia di sản thừa kế của hai cụ theo di chúc lập ngày 14/11/2012 và bà xin được nhận một phần tài sản theo di chúc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Nguyễn Thị Kim P trình bày quan điểm tranh luận: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ. Bởi lẽ, di sản mà cụ P1 và cụ Đ1 (là cha là mẹ của nguyên đơn, bị đơn) có di chúc để lại cho các con trừ ông Nguyễn Văn H, di chúc có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre, theo đúng qui định pháp luật tại Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà P, sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, bác yêu cầu khởi kiện của ông H, ông B. Chia di sản của cụ P1 và cụ Đ1 cho những người được hưởng theo di chúc của hai cụ lập vào ngày 14/11/2012.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đề nghị giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2018/DS-ST ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B trình bày quan điểm tranh luận: Di chúc của cụ P1 và cụ Đ1 lập vào ngày 14/11/2012 là không hợp pháp. Bởi lẽ, thời gian lập di chúc của cụ P1 tính đến ngày cụ P1 chết chỉ có 01 tháng 06 ngày, trong khi đó không có căn cứ nào xác định cụ P1 khi lập di chúc còn minh mẫn để quyết định tài sản của mình. Đồng thời, tài sản là của cụ P1, nên cụ Đ1 lập di chúc để lại cho các con là không phù hợp. Về hình thức của di chúc cũng không tuân thủ theo qui định tại Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu cho rằng: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Bà P kháng cáo cho rằng di chúc của cụ P1 và cụ Đ1 lập vào ngày 14/11/2012 là hợp pháp, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án, bác yêu cầu khởi kiện của ông H và ông B. Tuy nhiên, qua nghiên cứu hồ sơ và qua tranh tụng tại phiên tòa thấy rằng, di chúc của cụ P1, cụ Đ1 không đúng qui định theo Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005. Xét kháng cáo của bà P là không có căn cứ, nên không được chấp nhận, đề nghị giữ y Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2018/DS – ST ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị P và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự đều thống nhất với nhau về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn P1 và cụ Trần Thị Đ1 và không có kháng cáo về vấn đề này nên có cơ sở xác định:

Cụ Nguyễn Văn P1 chết ngày 20/11/2012 và cụ Trần Thị Đ1 chết ngày 29/7/2013 có để lại di sản là tài sản chung của vợ chồng bao gồm:

+Thửa đất số 1067, tờ bản đồ số 02, diện tích 7,825.3m² (số liệu đo đạc mới là thửa 7, 298, 299 tờ bản đồ số 28) đất lúa, tọa lạc tại ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre, do cụ Nguyễn Văn P1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 10/3/1994. Hiện do bà P cho vợ chồng ông NLQ6, NLQ5 thuê, ông NLQ7 đang canh tác một phần và ông B đang trực tiếp quản lý, sử dụng 01 phần diện tích.

+ Thửa 1681, thửa 1682, tờ bản đồ số 02 (đất vườn dừa) có diện tích đo đạc thực tế là 11,216.1m², có 300m² đất thổ cư (theo số liệu đo đạc mới là thửa 259, 280 tờ bản đồ số 28), tọa lạc tại ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre, do cụ Nguyễn Văn P1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/3/1994. Đất hiện do bà P đang quản lý, sử dụng và vợ chồng ông B cất nhà trên một phần diện tích đất.

+ 01 ngôi nhà và các tài sản trong nhà.

Hai cụ có 05 người con là Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Văn B, NLQ2 và Nguyễn Văn Hân. Ông Hân chết trước cụ P1 và cụ Đ1 nhưng không có con nên hàng thừa kế thứ nhất của cụ P1 và cụ Đ1 là ông H, ông B, bà P và bà NLQ2.

[2] Bà P kháng cáo cho rằng cụ Đ1 và cụ P1 có để lại di chúc ngày 14/11/2012 để phân chia tài sản cho các con nhưng Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận di chúc này là không phù hợp.

Xét thấy,

-Về hình thức: di chúc của cụ P1 được lập tại nhà, có chứng kiến của hai người làm chứng là ông Trần Văn Thì và bà Trần Thị Kim Anh và công chức tư pháp xã X nhưng trong bản di chúc không thể hiện phần làm chứng của công chức tư pháp là chưa đảm bảo tính khách quan trong thủ tục chứng thực. Di chúc của cụ P1 do người khác viết hộ, tuy có chữ ký của hai người làm chứng nhưng hai người làm chứng chỉ ký tên vào bản di chúc mà không có sự xác nhận đó chính là điểm chỉ của người lập di chúc nên chưa đảm bảo theo quy định ở Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 2005. Đối với di chúc của cụ Trần Thị Đ1 là người không biết chữ, do ông Trần Văn Thì viết thay nhưng bản di chúc không có người làm chứng là không đúng quy định theo Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 2005. Quá trình giải

quyết vụ án cả bà P và ông Thì đều khai thống nhất là di chúc của cụ Đ1 viết trước, năm ngày sau ông Thì mới viết di chúc của cụ P1 nhưng thời gian ghi lập di chúc cùng ngày 14/11/2012 không thể hiện đúng thời gian lập di chúc. Mặt khác, hai giấy di chúc được lập thành 02 bản, có cùng nội dung nhưng Ủy ban nhân dân xã X chứng thực chung cho hai di chúc vào ngày 21/11/2012, cách 07 ngày sau khi hai giấy di chúc được lập là không đúng quy định của pháp luật. Hai bản di chúc của cụ P1 và cụ Đ1 được lập cùng ngày 14/11/2012 và được chứng thực cùng 01 văn bản vào ngày 21/11/2012 là chưa đúng quy định tại khoản 5 Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Về nội dung: cả hai tờ di chúc không có nội dung cụ thể, không thể hiện được di sản là quyền sử dụng đất gồm những thửa nào, tọa lạc ở đâu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ai, di sản là nhà gì nằm trên phần đất nào theo như quy định tại Điều 653 Bộ luật dân sự năm 2005.

Do vậy, về hình thức và nội dung cả hai di chúc của cụ P1 và cụ Đ1 lập ngày 14/11/2012 đều không đảm bảo theo quy định của pháp luật nên không phát sinh hiệu lực. Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, ông B về việc huỷ hai giấy di chúc của cụ Nguyễn Văn P1 và Trần Thị Đ1 là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ P1 và cụ Đ1 để lại:

Do di chúc của cụ P1 và cụ Đ1 không hợp pháp và không phát sinh hiệu lực nên Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ. Tuy nhiên, việc phân chia di sản chưa hợp lý:

Thứ nhất, theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất thì ông B đang sử dụng thửa đất 280 diện tích 1998,1m², trên đất có nhà của ông B, còn bà P đang quản lý sử dụng thửa 259 trên đất có nhà và các công trình khác do cụ P1 cụ Đ1 để lại và các đương sự thống nhất để lại cho bà P nhưng khi phân chia di sản thừa kế thì Tòa án cấp sơ thẩm lại phân chia phần di sản đất bà P đang quản lý cho ông B và phần đất ông B đang quản lý cho bà P là không phù hợp với hiện trạng sử dụng đất.

Thứ hai, theo lời trình bày của các đương sự thì cụ P1 và cụ Đ1 trước đây sống chung với ông Hân, cho đến khi ông Hân chết thì bà P về sống chung và chăm sóc hai cụ. Do cụ P1 và cụ Đ1 đã lớn tuổi, không có sức lao động nên bà P có công sức trong việc cải tạo, gìn giữ phần đất này. Di chúc của cụ P1 để lại tuy không có hiệu lực nhưng vẫn thể hiện ý chí là để lại phần đất vườn cho bà P để thờ cúng ông bà nên bà P cần được nhận thêm một kỷ phần trong khối di sản thừa kế của cụ P1, cụ Đ1 để lại và nhận hiện vật là phần đất vườn nhiều hơn.

Thứ ba, theo đơn xin xác nhận ngày 22/01/2013 của cụ Trần Thị Đ1, được Ủy ban nhân dân xã X chứng thực ngày 06/3/2013 có nội dung vào năm 1998 vợ chồng bà có tặng cho con là Nguyễn Văn H, sinh năm 1959 một mảnh vườn với diện tích 1200m². Kể từ nay về sau ông H không được quyền tranh chấp với các thành viên trong gia đình bà nữa. Như vậy có căn cứ cho rằng ông H đã được cha mẹ tặng cho một phần đất vườn trước khi cụ P1 và cụ Đ1 lập di chúc. Do đó, việc

Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục phân chia cho ông H hiện vật (một phần đất vườn) là ảnh hưởng quyền lợi của những người thừa kế còn lại.

[4] Di sản của cụ P1 và cụ Đ1 để lại gồm các thửa đất số 1067, diện tích 7825,3m² tờ bản đồ số 02 (số liệu đo đạc mới là thửa 7, 298, 299 tờ bản đồ số 28) đất lúa, thửa 1681 và thửa 1682, tờ bản đồ số 02 (đất vườn dừa) có diện tích đo đạc thực tế là 11,216.1m², có 300m² đất thổ cư (theo số liệu đo đạc mới là thửa 259, 280 tờ bản đồ số 28), tọa lạc tại ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre. Theo biên bản định giá ngày 04/5/2017 thì các phần đất có giá trị như sau:

- Thửa đất số 1067(số liệu đo đạc mới là thửa 7, 298, 299, diện tích là tờ bản đồ số 28), đất lúa có giá là 80.000 đồng x 7825,3m²= 626.024.000 đồng.

- Thửa đất số 1681và thửa 1682 (theo số liệu đo đạc mới là thửa 259, 280 tờ bản đồ số 28) trong đó đất thổ cư có diện tích 300m², có giá là 180.000 đồng x 300m² = 54.000.000 đồng và diện tích đất vườn có giá 95.000 đồng x 10,916.1m² = 1.037.029.500 đồng. Tổng cộng 02 thửa có giá trị 1.091.029.500 đồng.

Tổng giá trị của các phần đất trên là 1.717.053.500 đồng.

Một kỷ phần thừa kế có giá trị là 1.717.053.500 đồng/5 = 343.410.600 đồng. Bà P nhận 02 kỷ phần, ông H, ông B và NLQ2 mỗi người nhận một kỷ phần.

Diện tích đất được phân chia như sau:

- Bà P được nhận thửa 259-1, 259-2, diện tích 5608.1m² trong đó có 150m² đất thổ cư và phần đất ruộng có diện tích 1956,3m² thuộc thửa 299b và 298a. Các phần đất bà P nhận có tổng giá trị là 702.023.500 đồng.

- Ông B được nhận thửa 280, diện tích 1998.1m², thửa 259-3, diện tích 806m² và thửa 299-1, 299a, diện tích 1956,4m². Các phần đất ông B nhận có tổng giá trị là 435.651.500 đồng.

- Bà NLQ2 được nhận thửa 259, diện tích 2,804m² và thửa 298, diện tích 1956,3m². Các phần đất bà NLQ2 nhận có tổng giá trị là 422.884.000 đồng..

- Ông H được nhận thửa 299, diện tích 1956,3m² có giá trị 156.504.000 đồng.

Tất cả các thửa đất của những người được nhận nêu trên đều sử dụng theo số liệu mới có họa đồ kèm theo.

Do bà P, ông B, bà NLQ2 nhận đất có giá trị cao hơn, nên các ông bà phải hoàn lại giá trị cho ông Nguyễn Văn H là người nhận đất ít hơn. Cụ thể mỗi người phải hoàn như sau (các số tiền lễ sẽ được tính tròn):

- Bà Nguyễn Thị Kim P (Nguyễn Thị P) phải hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền 15.202.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn B phải hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền 92.240.500 đồng;

- Bà NLQ2 phải hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền 79.473.000 đồng.

[5] Về án phí sơ thẩm các đương sự phải chịu theo kỷ phần được nhận, cụ thể:

Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 31.472.800 đồng;

Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 17.170.000 đồng;

Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 17.170.000 đồng;

Bà NLQ2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 17.170.000 đồng;

[6] Do sửa án sơ thẩm một phần nên bà P không phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quan điểm của Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 633, 645, 649, 650, 652, 653, 654, 655, 656, 658, 674, 675, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 676, khoản 2 Điều 685 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468, 623, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 99 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực, Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UNTƯVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị P.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2018/DS-ST ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu hủy 02 giấy di chúc của cụ Nguyễn Văn P1 và Trần Thị Đ1 lập ngày 14/11/2012.

Hủy 02 giấy di chúc của cụ Nguyễn Văn P1 và Trần Thị Đ1 lập ngày 14/11/2012 do không hợp pháp, không phát sinh hiệu lực pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B đối với bà Nguyễn Thị Kim P (Nguyễn Thị P) về việc yêu cầu chia di sản thừa kế. Đồng thời, tính công sức đóng góp, quản lý cải tạo đất thêm một kỷ phần cho bà P.

Phân chia di sản thừa kế của hai cụ Nguyễn Văn P1 và Trần Thị Đ1 cho các ông bà Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Kim P (bà P được nhận 02 kỷ phần gồm 01 kỷ phần thừa kế, 01 kỷ phần công sức đóng góp, quản lý cải tạo đất) và NLQ2 theo pháp luật như sau:

- Bà P được nhận thửa 259-1, 259-2, diện tích 5608.1m² trong đó có 150m² đất thổ cư và phần đất ruộng có diện tích 1956,3m² thuộc thửa 299b và 298a.

- Ông B được nhận thửa 280, diện tích 1998.1m², trong đó có 150m² đất thổ cư, thửa 259-3, diện tích 806m² và thửa 299-1, thửa 299a, thửa số 07 diện tích 1956,4m².

- Bà NLQ2 được nhận thửa 259, diện tích 2,804m² và thửa 298, diện tích 1956,3m².

- Ông H được nhận thửa 299, diện tích 1956,3m².

Tất cả các thửa đất của những người được nhận nêu trên đều sử dụng theo số liệu mới cùng tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre, có họa đồ kèm theo.

3. Bà Nguyễn Thị Kim P (Nguyễn Thị P) phải hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền 15.202.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Văn B phải hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền 92.240.500 đồng (Chín mươi hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn năm trăm đồng);

- Bà NLQ2 phải hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền 79.473.000 đồng (Bảy mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

4. Đối với những thửa đất bà P đang quản lý thì bà phải có trách nhiệm giao đất cho những người được nhận như quyết định đã tuyên. Các ông bà được hưởng, sở hữu những cây trồng, tài sản trên phần đất được chia, không hoàn giá trị cho nhau.

4. Ghi nhận ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, bà NLQ2 không yêu cầu chia di sản thừa kế đối với di sản là nhà, các đồ dùng sinh hoạt, cây trồng có trên đất vườn dừa của cụ Nguyễn Văn P1 và cụ Trần Thị Đ1. Đồng ý để lại cho bà Nguyễn Thị Kim P được toàn quyền sở hữu và sử dụng để thờ cúng cha mẹ.

Các ông bà Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, NLQ2 và Nguyễn Thị Kim P có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với các phần đất được chia và nhận thừa kế.

5. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Kim P, NLQ5, NLQ6, NLQ7 không yêu cầu chi phí trồng cỏ trên đất cũng như tiền thuê đất.

6. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 16.367.000 đồng, chi phí cắt chia phần đất tranh chấp số tiền 603.000 đồng, chi phí định giá tài sản số tiền 526.000 đồng, tổng cộng là 17.496.000 đồng. Buộc bà P, bà NLQ2, ông H, ông B mỗi người phải chịu số tiền là 4.374.000 đồng. Do ông H, ông B đã tạm ứng và quyết toán xong nên buộc bà P, bà NLQ2, mỗi người có trách nhiệm hoàn lại cho ông H và ông B số tiền 4.374.000 đồng (Bốn triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

7. Về án phí sơ thẩm các đương sự phải chịu theo kỷ phần được nhận, cụ thể:

Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 31.472.800 đồng;

Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 17.170.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.513.000 đồng theo biên lai thu số 0002966 ngày 06/5/2014, 0015511 ngày 14/12/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Ông H còn phải nộp tiếp số tiền 14.657.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 17.170.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.013.000 đồng theo biên lai thu số 0002967 ngày 06/5/2014, 0015510 ngày 14/12/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Ông B còn phải nộp tiếp số tiền 14.157.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm năm mươi bảy nghìn đồng);

Bà NLQ2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 17.170.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0003182 ngày 16/7/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Bà NLQ2 còn phải nộp tiếp số tiền 14.670.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng);

8. Án phí dân sự phúc thẩm bà P không phải chịu, Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại có trách nhiệm hoàn lại cho bà P số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015024 ngày 23/4/2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre(1b);
- TAND huyện Bình Đại(1b);
- Chi cục THADS huyện Bình Đại (1b);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp(3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Hương